

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN

Số: 3955 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 01 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Nhà máy may kết hợp sản xuất bao bì carton tại xã Nam Giang, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy may kết hợp sản xuất bao bì carton tại xã Nam Giang, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An và Văn bản số 61/EVR-ĐTM ngày 24/11/2023 của Công ty Cổ phần Bao bì Environ về việc chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 8608/STNMT-BVMT ngày 01/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy may kết hợp sản xuất bao bì carton tại xã Nam Giang, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An (sau đây gọi tắt là Dự án) của Công ty Cổ phần Bao bì Environ làm chủ dự án (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Nam Giang, huyện Nam Đàn với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Giám đốc Công an tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Nam Đàn; Chủ tịch UBND xã Nam Giang; Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bao bì Environ và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./T

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Phó Chủ tịch (NN) UBND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu VT.NN(V).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Đệ

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
NHÀ MÁY MAY KẾT HỢP SẢN XUẤT BAO BÌ CARTON TẠI XÃ NAM
GIANG, HUYỆN NAM ĐÀN, TỈNH NGHỆ AN**

*(kèm theo Quyết định số 3955/QĐ-UBND
ngày 01/12/2023 của UBND tỉnh Nghệ An)*

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Nhà máy may kết hợp sản xuất bao bì carton.
- Địa điểm thực hiện dự án: xã Nam Giang, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.
- Chủ dự án đầu tư: Công ty Cổ phần Bao bì Environ.
- + Đại diện: ông Trần Tiến Mạnh; Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- + Địa chỉ: số 92, đường Trần Phú, phường Hồng Sơn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

a. Phạm vi: dự án được UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Nhà máy may kết hợp sản xuất bao bì carton, xã Nam Giang, huyện Nam Đàn tại Quyết định số 3336/QĐ-UBND ngày 27/10/2022 với diện tích 97.790,2m².

b. Quy mô dự án:

- Quy mô xây dựng: tổng diện tích lập quy hoạch 97.790,2m².
- Quy mô công suất:
 - + Bao bì carton các loại: 6.000 đến 7.000 tấn sản phẩm/năm;
 - + Sản phẩm may mặc: 03 triệu sản phẩm/năm.

1.3. Quy trình sản xuất

- Quy trình sản xuất sản phẩm may mặc: mua nguyên vật liệu → nhập kho nguyên liệu → kiểm tra số lượng, chất lượng vật tư → xuất vật tư theo lệnh sản xuất → cắt vật tư theo dưỡng dập và may sản phẩm → thêu các chi tiết yêu cầu → sấy, là → kiểm tra chất lượng → đóng gói → xuất hàng. Đối với gia công các loại sản phẩm theo đơn đặt hàng: đơn đặt hàng/hợp đồng gia công → nhận mẫu mã và nguyên vật liệu → sản xuất → kiểm tra chất lượng → đóng gói → xuất hàng;

- Quy trình sản xuất bao bì carton: giấy cuộn (giấy mặt, giấy sóng) → tạo sóng → phủ hồ → ghép mặt → sấy → cắt tấm nhỏ → cán lằn → in → cắt khổ → dán/đóng ghim → bó → xuất kho.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

1.4.1. Các hạng mục công trình

a. Các hạng mục công trình chính

- Siêu thị phục vụ công nhân, cao 02 tầng, diện tích xây dựng 1.200m²;

- Nhà nghỉ ca cán bộ nhân viên, cao 02 tầng, diện tích xây dựng 1.920m²;
- Nhà văn phòng, cao 02 tầng, diện tích xây dựng 3.115m²;
- Nhà phân xưởng bao bì, cao 01 tầng, diện tích xây dựng 13.083m²;
- Kho bao bì, cao 01 tầng, diện tích xây dựng 5.073m²;
- Nhà phân xưởng may, cao 01 tầng, diện tích xây dựng 14.378m²;
- Kho vải, cao 01 tầng, diện tích xây dựng 4.503m²;
- Nhà ăn ca, cao 01 tầng, diện tích xây dựng 5.364m².

b. Các hạng mục phụ trợ

- Công chính;
- Công phụ;
- Nhà bảo vệ (gồm 02 nhà), cao 01 tầng, diện tích xây dựng 2x49m²
=98m²;
- Nhà để xe công nhân (số 1), cao 01 tầng, diện tích xây dựng 1.771m²;
- Nhà để xe công nhân (số 2), cao 02 tầng, diện tích xây dựng 5.525m²;
- Trạm điện, cao 01 tầng, diện tích xây dựng 323m²;
- Bể nước sinh hoạt + PCCC, diện tích xây dựng 561m²;
- Trạm xử lý nước sinh hoạt, cao 01 tầng, diện tích xây dựng 238m²;
- Nhà nồi hơi, máy nén khí, cao 01 tầng, diện tích xây dựng 612m²;
- Hồ điều hòa;
- Hồ cảnh quan, PCCC;
- Bãi đỗ xe + quay đầu xe.

c. Các hạng mục bảo vệ môi trường:

- Hệ thống thu gom, thoát nước thải UPVC DN200 chiều dài 375m, DN300 chiều dài 450m;
- Hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn cống B=0,6m chiều dài 963m; cống B=0,8m chiều dài 506m; cống B=1,2m chiều dài 245m; cống B=1,5m chiều dài 300m;
- Bể tự hoại 06 bể có tổng dung tích 890m³;
- Bể tách dầu mỡ, 01 bể có dung tích 7,5m³;
- Khu vực xử lý nước thải: diện tích xây dựng 510m², công suất của hệ thống xử lý nước thải tập trung 350m³/ngày.đêm;
- Kho lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, cao 01 tầng, diện tích xây dựng 80m²;
- Kho lưu giữ chất thải rắn công nghiệp, cao 01 tầng, diện tích xây dựng 150m²;
- Kho lưu giữ chất thải nguy hại, cao 01 tầng, diện tích xây dựng 50m².

1.4.2. Các hoạt động của dự án đầu tư

a. Giai đoạn thi công xây dựng

- Bồi thường, san nền, giải phóng mặt bằng;
- Bóc bùn đất hữu cơ;
- Hoạt động vận chuyển, bốc dỡ nguyên vật liệu thi công xây dựng các hạng mục của dự án; hoạt động thi công xây dựng công trình;
- Hoạt động sinh hoạt của công nhân.

b. Giai đoạn hoạt động

- Hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên;
- Hoạt động sản xuất của nhà máy;
- Hoạt động nấu nướng, ăn uống của nhà ăn;
- Hoạt động mua bán hàng hóa của siêu thị;
- Hoạt động đốt lò, vệ sinh và xử lý khí thải lò hơi;
- Hoạt động vận hành hệ thống, vệ sinh các bể, màng MBR của hệ thống xử lý nước thải;
- Hoạt động phân loại, thu gom, lưu giữ chất thải;
- Hoạt động ra vào của phương tiện giao thông.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước 02 vụ (LUC) với diện tích khoảng 7,84ha theo quy định của pháp luật về đất đai;

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Hoạt động giải phóng mặt bằng, san nền phát sinh sinh khối, đất đá thải, bụi tác động đến nguồn nước, sức khỏe cán bộ công nhân và môi trường xung quanh dự án;

- Xây dựng nhà phân xưởng may, nhà văn phòng, kho vải, nhà phân xưởng bao bì, kho bao bì, nhà ăn ca, nhà nghỉ cán bộ công nhân, nhà siêu thị phục vụ công nhân và các công trình phụ trợ khác,... sẽ làm phát sinh bụi, nước thải, chất thải rắn tác động đến nguồn nước, sức khỏe cán bộ công nhân, gây ô nhiễm môi trường khu vực và môi trường xung quanh dự án.

2.2. Giai đoạn hoạt động

- Hoạt động sản xuất các sản phẩm may mặc, bao bì carton; hoạt động lưu giữ, vận chuyển, bốc dỡ hàng hóa; hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên và hoạt động mua bán tại siêu thị phát sinh bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại tác động đến môi trường không khí, môi trường nước,

môi trường đất của dự án, khu vực xung quanh và nguồn tiếp nhận nước thải của dự án (mương thoát nước khu vực).

- Hoạt động nấu nướng tại nhà bếp phát sinh chất thải rắn sinh hoạt (chất thải thực phẩm, chất thải tái chế...), mùi, khí thải, nước thải tác động đến môi trường không khí, môi trường nước mặt, môi trường đất của khu vực dự án.

- Hoạt động lưu giữ, thu gom, vận chuyển chất thải phát sinh mùi, khí thải tác động đến môi trường không khí của khu vực dự án.

- Hoạt động vận hành, bảo trì công trình bảo vệ môi trường (hệ thống xử lý nước thải; hệ thống xử lý khí thải) phát sinh mùi, bùn thải, dầu mỡ thải, vỏ bao bì hóa chất, nước thải, chất thải rắn phải xử lý (tro xỉ),... tác động đến môi trường không khí, môi trường nước mặt, môi trường đất của khu vực dự án.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a. Giai đoạn thi công xây dựng

- Nước thải sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân thi công với quy mô tối đa: $3,5 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$; thành phần, tính chất chủ yếu chứa các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh.

- Nước thải thi công tại khu vực ra vào công trình do hoạt động xịt rửa xe, phương tiện và các thiết bị thi công sau mỗi ngày làm việc với quy mô tối đa: $2,0 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$; thành phần, tính chất chứa nhiều cặn lơ lửng và có độ pH cao.

- Nước mưa chảy tràn phát sinh tại khu vực công trình thi công với quy mô tối đa: $18.345,4 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$; thành phần, tính chất chủ yếu gồm các chất lơ lửng bị nước mưa cuốn trôi như đất, cát, vật liệu xây dựng,... do hoạt động thi công chưa được dọn dẹp, thiết bị thi công.

b. Giai đoạn hoạt động

- Nước thải sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên, nhà ăn ca với quy mô tối đa: $292,5 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$; thành phần, tính chất chứa các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh.

- Nước thải sản xuất từ hoạt động rửa thùng pha hồ, hoạt động vệ sinh thiết bị in (hồ dán, mực in không chứa thành phần nguy hại), vệ sinh lò hơi (không sử dụng hóa chất) và xử lý khí thải lò hơi, từ bể chứa dung dịch hấp thụ của lò hơi với quy mô phát sinh tối đa: $7,5 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$; tính chất: pH không ổn định, độ màu cao, cặn lơ lửng (SS), hợp chất hữu cơ (BOD/COD) cao, hợp chất muối hòa tan,...

Tổng lượng nước thải phát sinh cần thu gom và xử lý: $300 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Nước mưa chảy tràn phát sinh trên toàn bộ diện tích khu vực dự án với lưu lượng phát sinh tối đa: 9.172,7 m³/ngày.đêm; thành phần, tính chất: chất cặn bã, đất, cát, rác và các tạp chất,...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của khí thải

a. Giai đoạn thi công xây dựng

Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động bóc đất hữu cơ, san lấp mặt bằng, hoạt động thi công xây dựng, hoạt động của máy móc,...; thành phần: chủ yếu là bụi và các khí độc như CO_x, SO₂, NO₂,...

b. Giai đoạn hoạt động

- Nguồn phát sinh: bụi vải (sợi đay, gai, bông), bụi giấy từ quá trình xả cuộn, tạo sóng các tấm giấy; bụi, khí thải từ phương tiện giao thông, hoạt động của lò hơi, máy phát điện dự phòng; mùi từ hoạt động phủ keo (thành phần gồm bột sắn, soda và nước trộn lẫn nhau); hơi mực in; mùi, khí thải từ quá trình nấu nướng của nhà ăn, từ nhà chứa chất thải, từ hệ thống thu gom và xử lý nước thải;

- Thành phần: bụi, CO_x, NO_x, SO_x, NH₃,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn

a. Giai đoạn thi công xây dựng

- Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân thi công với quy mô phát sinh khoảng 25 kg/ngày. Thành phần gồm: chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế (bao bì có nguồn gốc từ nhựa, kim loại, bìa carton,...); chất thải thực phẩm (rau, củ quả, thức ăn thừa); chất thải rắn sinh hoạt khác;

- Chất thải rắn thông thường với quy mô phát sinh: đất bóc hữu cơ quy mô 29.746m³; đất đào móng công trình, hồ cảnh quan + phòng cháy chữa cháy, trạm xử lý nước thải, hồ điều hòa quy mô 124.883,5m³; phế thải xây dựng quy mô 35,07 tấn. Thành phần chủ yếu cây bụi, cỏ dại, cành lá cây, bùn đất, đá thải, bao bì đựng xi măng, vữa xi măng rơi vãi, gạch đá vụn, sắt thép vụn,...

b. Giai đoạn hoạt động

- Chất thải rắn sinh hoạt của cán bộ nhân viên nhà máy với quy mô phát sinh khoảng 3,25 tấn/ngày; thành phần gồm chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế (bao bì có nguồn gốc từ nhựa, kim loại, bìa carton,...); chất thải thực phẩm (rau, củ quả, thức ăn thừa); chất thải rắn sinh hoạt khác.

- Chất thải rắn thông thường:

+ Chất thải rắn từ hoạt động sản xuất với quy mô phát sinh khoảng 145,5 kg/ngày; thành phần gồm vải vụn, lõi chỉ, giấy, bìa carton, bao bì,...

+ Chất thải của hệ thống xử lý nước thải với quy mô phát sinh khoảng 7,3 kg/ngày; thành phần gồm bùn thải, cặn, rác,...

+ Chất thải của lò hơi đốt viên nén với quy mô phát sinh khoảng 720 kg/ngày; thành phần gồm tro xỉ, bùn cặn,...

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

a. Giai đoạn thi công xây dựng

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động vệ sinh, bảo dưỡng, bảo trì máy móc, thiết bị thi công trên công trường với quy mô phát sinh khoảng 4-5 kg/tháng; thành phần gồm giẻ lau dính dầu mỡ, bình ắc quy cũ, vỏ thùng sơn,...

b. Giai đoạn hoạt động

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất của Nhà máy, hoạt động của siêu thị và hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên với quy mô phát sinh khoảng 21,08 kg/tháng. Thành phần gồm pin, ắc quy thải; bóng đèn; giẻ lau dính mỡ; túi nilon dính thành phần nguy hại; dầu máy thải; thùng can đựng dầu nhớt,...

3.3. Tiếng ồn, độ rung

a. Giai đoạn thi công xây dựng

- Tiếng ồn: do hoạt động của các phương tiện vận chuyển và thi công (máy xúc, máy trộn bê tông, xe tải,...). Theo quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn QCVN 26:2010/BTNMT giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn ở khu vực thông thường từ 6h-21h là 70dBA, từ 21h-6h là 55dBA;

- Độ rung: hoạt động của các loại máy móc lớn thi công san lấp, vận chuyển nguyên vật liệu. Theo quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung QCVN 27:2010/BTNMT giới hạn tối đa cho phép về độ rung ở khu vực thông thường từ 6h-21h là 70dB, 21h-6h là 60dB.

b. Giai đoạn hoạt động

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các phương tiện giao thông; hoạt động của máy móc sản xuất, hệ thống xử lý nước thải, máy phát điện. Theo quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn QCVN 26:2010/BTNMT giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn ở khu vực thông thường từ 6h-21h là 70dBA, từ 21h-6h là 55dBA. Theo quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung QCVN 27:2010/BTNMT giới hạn tối đa cho phép về độ rung ở khu vực thông thường từ 6h-21h là 70dB, 21h-6h là 60dB.

3.4. Các tác động khác

a. Giai đoạn thi công xây dựng

- Tác động của việc chiếm dụng đất: việc triển khai dự án làm thay đổi lâu dài mục đích sử dụng đất và việc đền bù, thu hồi đất có thể làm ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và đời sống dân cư;

- Tác động đến hệ sinh thái: xây dựng cơ sở hạ tầng và các công trình kiến trúc dẫn đến hệ thực vật ở đây bị suy giảm đồng thời những động vật sống trong môi trường này sẽ phải di dời đi nơi khác;

- Ngập úng cục bộ: giai đoạn thi công mặt bằng dự án chưa được bê tông hóa. Do vậy, khi thi công dự án có thể gây ngập úng tại khu vực dự án khi trời mưa;

- Giao thông khu vực: làm gia tăng mật độ xe trên tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu trong khu vực.

b. Giai đoạn hoạt động

- Ô nhiễm nhiệt: xưởng may xây dựng bằng nhà khung thép, mái lợp tôn sóng; máy móc sản xuất; máy điều hòa không khí sẽ gây tác động tới môi trường như: nhiệt từ mái tôn, máy móc sản xuất, giàn nóng máy điều hòa thải vào môi trường làm nhiệt độ môi trường không khí tăng cao gây ô nhiễm nhiệt;

- Giao thông khu vực: làm gia tăng mật độ xe trên tuyến đường vận chuyển trong khu vực, mặt khác còn làm xuống cấp tuyến đường và tăng khả năng xảy ra tai nạn giao thông trên các tuyến đường này.

- Tác động đến hệ sinh thái lưu vực tiếp nhận nước thải:

+ Chất lượng nước mương thoát nước khu vực có khả năng bị biến đổi do các thành phần bị ô nhiễm trong nước thải của dự án;

+ Gây ngập lụt khu vực dự án trong trường hợp mưa lũ lớn và kéo dài chưa thoát kịp.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a. Giai đoạn thi công xây dựng

- Nước mưa chảy tràn:

+ Đào mương thoát nước tạm xung quanh khu vực dự án, dọc tuyến bố trí các hố ga (khoảng 10-15m/hố) để thu gom và lắng cặn nước mưa chảy tràn trên bề mặt dự án trước khi thoát ra mương thoát khu vực;

+ Ưu tiên thi công các công trình thoát nước trước và hoàn thiện trước mùa mưa; thi công gọn từng hạng mục, làm đến đâu xong đến đó, đầm nén đất đá, gia cố taluy đường;

+ Không tập trung các loại nguyên, vật liệu gấn, cạnh các tuyến thoát nước để ngăn ngừa thất thoát, rò rỉ vào đường thoát nước.

- Nước thải sinh hoạt:

+ Thuê lắp đặt 1 nhà vệ sinh di động, kích thước 1 nhà vệ sinh: 95 × 130 × 250 (cm), vật liệu: composite nguyên khối loại có thể tích bồn chứa 400l tại công trường, gần khu lán trại tạm; định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý đúng quy định;

+ Đối với nước thải vệ sinh tay chân: thu gom vào hố lắng cát sỏi kích thước 2m×1m×1m bố trí gần công ra vào dự án để xử lý lắng cặn cùng nước thải thi công trước khi thải ra nguồn tiếp nhận là mương thoát khu vực.

- Nước thải xây dựng:

Nước thải xây dựng từ hoạt động vệ sinh dụng cụ, thiết bị xây dựng, nước rửa bánh xe ra vào dự án được dẫn vào hố lắng dung tích 2m^3 ($2\text{m} \times 1\text{m} \times 1\text{m}$), bao gồm 2 ngăn: 01 ngăn lắng và 01 ngăn lọc cát, bố trí gần công ra vào dự án để lắng cặn, trước khi thoát ra nguồn tiếp nhận là mương thoát nước khu vực.

b. Giai đoạn hoạt động

* Nước mưa chảy tràn:

- Xây dựng hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn cống $B=0,6\text{m}$ chiều dài 963m ; cống $B=0,8\text{m}$ chiều dài 506m ; cống $B=1,2\text{m}$ chiều dài 245m ; cống $B=1,5\text{m}$ chiều dài 300m trong khu vực dự án, sau đó đầu nối vào mương thoát nước khu vực và dẫn về nguồn tiếp nhận là mương thoát khu vực;

- Định kỳ nạo vét các hố ga, mương để tránh tắc nghẽn hệ thống thoát nước do chất thải rắn, xuống cấp;

* Các hạng mục công trình xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt:

- Hệ thống thoát nước: hệ thống đường ống thoát nước thải sau xử lý UPVC DN300 dài 105m ;

- Hệ thống thu gom, xử lý:

- + Xây dựng 06 bể tự hoại với dung tích 890m^3 đặt dưới chân công trình nhà vệ sinh;

- + Xây dựng 01 bể tách dầu với dung tích $7,5\text{m}^3$ đặt cạnh công trình nhà ăn để thu gom nước thải từ khu vực bếp;

- + Bố trí đường ống thu gom nước thải bằng đường ống UPVC DN200 dài 375m , DN300 dài 345m để thu gom nước thải dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nước thải sản xuất:

- Hệ thống thoát nước: hệ thống đường ống thoát nước thải sau xử lý UPVC DN300 dài 105m ;

- Hệ thống thu gom, xử lý:

- + Nước thải từ quá trình vệ sinh thiết bị máy in, thùng pha hồ và nước thải từ quá trình xử lý khí thải lò hơi, vệ sinh lò hơi phát sinh $7,5\text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ (không chứa thành phần nguy hại) được thu gom và xử lý bằng cụm xử lý nước thải sản xuất công suất $10\text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ trước khi vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà máy.

- + Quy trình xử lý cụm bể xử lý nước thải sản xuất: nước thải từ quá trình vệ sinh thiết bị máy in, thùng pha hồ và nước thải từ quá trình xử lý khí thải lò hơi, vệ sinh lò hơi → hệ thống thu gom → bể điều hòa 1 → bể cân bằng pH → bể keo tụ tạo bông → bể lắng → hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà máy.

- Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 350 m³/ngày.đêm để xử lý toàn bộ nước thải phát sinh tại dự án đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột A ($K_q=0,9$; $K_f=1,1$) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi thoát ra nguồn tiếp nhận là mương thoát nước khu vực.

Quy trình xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung: nước thải sản xuất (sau xử lý tại cụm bể xử lý nước thải sản xuất), nước thải từ bể tự hoại, nước thải từ khu vực nhà ăn (đã xử lý qua bể tách dầu mỡ), nước rửa tay chân → hệ thống thu gom → bể điều hòa 2 → bể thiếu khí → bể hiếu khí → bể đặt màng MBR → bể chứa nước sau xử lý → đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột A ($K_q=0,9$; $K_f=1,1$) thoát ra mương thoát nước khu vực và dẫn về nguồn tiếp nhận.

- Nguồn tiếp nhận: nước thải sau xử lý được thải ra nguồn tiếp nhận là mương thoát nước chung của khu vực.

- Dòng thải ra môi trường: 01 dòng sau hệ thống xử lý nước thải.

- Tọa độ vị trí xả thải: X = 2067813 (m), Y = 589502 (m).

(theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 104⁰45', múi chiếu 3⁰)

- Phương thức xả nước thải: tự chảy;

- Quy chuẩn: cột A ($K_q=0,9$; $K_f=1,1$), QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;

- Lưu lượng xả lớn nhất: 350 m³/ngày.đêm.

* Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A ($K_q=0,9$; $K_f=1,1$) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi thoát ra nguồn tiếp nhận;

- Việc xử lý nước thải từ Dự án phải tuân thủ quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

a. Giai đoạn thi công xây dựng

- Phủ bạt kín thùng xe khi vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng đến chân công trình;

- Lắp hàng rào bằng tôn cao 3m xung quanh khu vực thi công; lắp lưới chắn bụi khi tiến hành thi công lên tầng cao công trình;

- Dọn vệ sinh khuôn viên dự án cuối ngày làm việc;

- Tưới ẩm khu vực thi công trong những ngày nắng; thường xuyên phun nước tại các sân bãi tập kết vật liệu xây dựng; tưới ẩm tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu với tần suất 2 lần/ngày vào những ngày thời tiết khô hanh, gió lớn;

- Tất cả các xe vận tải đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường mới được phép hoạt động phục vụ dự án.

b. Giai đoạn hoạt động

- Đối với khu vực xưởng:

+ Thiết kế nhà xưởng đảm bảo thông thoáng;

+ Bố trí khoảng 60-65 quạt hơi nước và quạt thông gió tại khu vực nhà xưởng để thông gió, thoát khí và làm mát khu vực xưởng sản xuất (quạt có tấm lưới lọc bụi, định kỳ vệ sinh và thay thế tấm lưới lọc mới);

+ Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại nhà máy.

- Đối với khí thải từ nhà ăn:

+ Đối với nhà bếp, nhà ăn phải trang bị bộ phận hút và lọc khói bếp trước khi thải ra môi trường;

+ Trong nhà bếp sử dụng các nhiên liệu đốt sạch như khí hóa lỏng, thiết bị dùng điện...

+ Thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt và rác thải sản xuất trong ngày tránh để tồn đọng rác lâu sẽ bị phân hủy, bốc mùi khó chịu gây ảnh hưởng đến môi trường không khí xung quanh.

- Bụi, khí thải từ lò hơi:

+ Sử dụng nguyên liệu đốt là viên nén gỗ để giảm thiểu khí thải phát sinh từ hoạt động của lò hơi;

+ Quy trình xử lý khí thải từ lò hơi: bụi, khí thải từ lò hơi theo đường ống, chụp hút → hệ thống cyclone → bụi được tách dưới đáy cyclone, khí không còn bụi → bể chứa dung dịch hấp thụ NaOH → quạt hút khí thải → ống khói → ra ngoài môi trường;

+ Dòng thải ra môi trường: 01 dòng tại ống khói lò hơi;

+ Tọa độ vị trí xả thải: X = 2067856 (m), Y = 589496 (m);

(theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $104^{\circ}45'$, múi chiếu 3°)

+ Phương thức, chế độ xả thải: xả khí thải gián đoạn, thời gian xả thải 8 giờ/ngày (theo ca sản xuất của Nhà máy);

+ Quy chuẩn: QCVN 19:2009/BTNMT, cột B ($K_v = 1,2$; $K_p = 1$) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

- Bụi, khí thải từ máy phát điện: xung quanh khu vực đặt máy phát điện được bọc bởi tường bê tông cốt thép, lót đệm cao su để cách âm và chống rung.

- Bụi, khí thải do phương tiện giao thông:

+ Ký hợp đồng với đơn vị chuyên vận tải nguyên vật liệu và sản phẩm của nhà máy;

+ Phương tiện vận tải đảm bảo các điều kiện kỹ thuật nhằm hạn chế thấp nhất việc phát thải các chất ô nhiễm vào môi trường.

- Mùi từ hệ thống thu gom, xử lý nước thải:

+ Xây dựng hệ thống thu gom kín và có hệ thống thoát khí ra ngoài.

+ Thường xuyên theo dõi, kiểm soát quá trình hoạt động của hệ thống xử lý nước thải, vận hành đúng thiết kế và phối hợp với đơn vị có chức năng để kiểm soát chất lượng nước thải đầu ra của hệ thống trước khi thải ra môi trường.

- Mùi từ khu chứa chất thải:

+ Chất thải rắn thải sinh hoạt phải được vận chuyển hàng ngày, không tập trung lâu ngày gây phân hủy làm phát sinh các loại khí thải như CH_4 , H_2S , NH_3 ... và mùi hôi thối vào môi trường không khí;

+ Trồng cây xanh xung quanh khuôn viên nhà máy để hạn chế ô nhiễm, đảm bảo diện tích cây xanh theo quy hoạch đã được phê duyệt.

* Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thực hiện đầy đủ công trình, biện pháp thu gom khí thải, giảm thiểu mùi theo đúng quy định;

- Việc xử lý bụi, khí thải từ Dự án phải tuân thủ quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

4.2. Các công trình, biện pháp thu gom quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường và chất thải sinh hoạt

a. Giai đoạn thi công xây dựng

* Đối với chất thải rắn sinh hoạt:

Bố trí 03 thùng dung tích 120 lít có nắp đậy, có dán nhãn để phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn. Phương án thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt được thực hiện như sau:

+ 01 thùng đựng có dung tích 120 lít đựng chất thải có thể tái chế có nguồn gốc kim loại hoặc nhựa như các lon đựng nước giải khát, giấy,...

+ 01 thùng đựng có dung tích 120 lít đựng chất thải thực phẩm như rau, củ quả, thức ăn thừa,...

+ 01 thùng đựng có dung tích 120 lít đựng chất thải chất thải sinh hoạt khác (không có khả năng tái sử dụng, tái chế) như: túi nilon, hộp đựng thực phẩm,...

* Chất thải rắn xây dựng:

- Đất bóc hữu cơ bề mặt khu đất được tận dụng để trồng cây xanh khuôn viên dự án (không đổ thải); chất thải rắn từ đào móng công trình, hồ cảnh quan, phòng cháy chữa cháy, hệ thống xử lý nước thải, hồ điều hòa được tận dụng hoàn trả hố móng và san lấp mặt bằng khu đất dự án;

- Bao xi măng, sắt thép vụn, ván cốp pha, cọc chống hông trong và sau khi thi công,... thu gom và bán phế liệu hoặc tận thu cho các công trình xây dựng khác tần suất 1 tuần/lần;

b. Giai đoạn hoạt động

* Chất thải rắn sinh hoạt:

- Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, phân loại theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và cho vào các thùng chứa chuyên dùng có nắp đậy và được tập trung tại kho chứa với diện tích 80m² tại khu vực nhà tập kết phân loại rác. Phương án thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt được thực hiện như sau:

+ Bố trí 30 thùng đựng có dung tích 15 lít, 08 thùng đựng có dung tích 240 lít đựng chất thải thực phẩm như rau củ quả, vỏ trái cây, thức ăn thừa,...

+ Bố trí 06 thùng đựng có dung tích 50 lít, 04 thùng đựng có dung tích 240 lít đựng chất thải có thể tái chế có nguồn gốc kim loại hoặc nhựa như các lon đựng nước giải khát, giấy, bìa carton,...

+ Bố trí 04 thùng đựng có dung tích 50 lít, 04 thùng đựng có dung tích 240 lít đựng chất thải rắn sinh hoạt khác (không có khả năng tái sử dụng, tái chế).

* Chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường được tái sử dụng, tái chế làm nguyên liệu sản xuất:

+ Bố trí 06 thùng đựng có dung tích 240 lít đựng chất thải như giấy in, giấy, bìa carton lõi,...

+ Bố trí 08 thùng đựng có dung tích 240 lít đựng chất thải như các chất thải như: vải vụn, bông vụn, sản phẩm may mặc lõi,...

+ Bố trí 01 kho chứa với diện tích 150m² tại khu vực nhà tập kết phân loại rác.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý:

+ Đối với lượng dầu mỡ từ khu vực nhà ăn được thu gom từ bể tách dầu mỡ, thuê đơn vị có chức năng định kỳ nạo vét và thu gom vận chuyển và đưa đi xử lý;

+ Đối với tro xỉ phát sinh từ lò hơi sẽ được thu gom tập trung vào khu vực lưu giữ riêng biệt, có mái che, nền cao và định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý, diện tích kho chứa 20m² (nằm trong kho chất thải rắn công nghiệp);

+ Đối với bùn thải từ cụm bể xử lý nước thải sản xuất: hợp đồng với đơn vị có chức năng lấy mẫu giám sát để kiểm tra hàm lượng các thành phần nguy hại trong bùn thải. Nếu bùn có chứa thành phần vượt ngưỡng nguy hại theo QCVN 50:2013/BTNMT được thu gom xử lý cùng các loại chất thải nguy hại, nếu bùn không chứa thành phần nguy hại thì hút và vận chuyển đi xử lý như chất thải rắn công nghiệp thông thường.

* Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và tuân thủ các quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

a. Giai đoạn thi công xây dựng

- Bố trí 03 thùng chứa chất thải nguy hại (01 thùng đựng chất thải nguy hại dạng rắn, 02 thùng đựng chất thải nguy hại dạng lỏng) có nắp đậy và dán nhãn theo đúng quy định để thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động thi công xây dựng;

- Bố trí 01 nhà kho diện tích khoảng 10m² có gắn biển cảnh báo nguy hại tại công trường, đảm bảo không rò rỉ, bay hơi, rơi vãi, phát tán ra môi trường;

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại;

- Thu gom và quản lý chất thải nguy hại theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b. Giai đoạn hoạt động

- Bố trí 06 thùng dung tích 240 lít chứa chất thải nguy hại có nắp đậy và dán nhãn theo đúng quy định để thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại phát sinh tại dự án;

- Bố trí kho chất thải nguy hại với diện tích 50m² đặt tại nhà phân loại rác phía Nam nhà máy. Kho xây dựng tuân thủ theo các quy định trong Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Kho được thiết kế phù hợp với phương án phòng cháy, rò rỉ, chống tràn đổ và bảo đảm tách riêng các chất không tương thích. Quy mô kho chứa và các yêu cầu kỹ thuật được xác định, bao gồm:

+ Kết cấu: khung thép tiền chế, tường xây gạch không nung, mái tôn, cửa thép đảm bảo kín khít, nền cao, được lát xi măng và sơn chuyên dụng chống ăn mòn hóa chất. Có gờ cao để ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, có rãnh thu nước rò rỉ xung quanh kho chứa;

+ Trong kho bố trí hệ thống chữa cháy, bình chữa cháy di động, cát và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ tràn đổ dầu thải;

+ Gắn các biển cảnh báo nguy hiểm trong và ngoài kho chứa;

+ Chất thải nguy hại được thu gom và chứa vào 04 thùng chuyên dụng đựng chất thải nguy hại cho các mã, có nắp đậy để từng ô với từng nhóm chất thải riêng biệt. Các thùng phân loại chất thải nguy hại có nắp đậy, có tên, dán nhãn, mã chất thải cho từng loại.

- Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý với tần suất 06 tháng/lần đảm bảo bàn giao chất thải đúng theo hợp đồng đã thỏa thuận ký kết và có chứng từ chất thải nguy hại;

- Kê khai chất thải nguy hại theo đúng yêu cầu của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và môi trường. Định kỳ lập báo cáo gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để báo cáo vào tháng 01 hàng năm.

* Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý toàn bộ các loại chất thải nguy hại trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và tuân thủ các quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

a. Giai đoạn thi công xây dựng

* Đối với tiếng ồn:

- Bố trí thời gian thi công hợp lý, hạn chế thi công cùng một lúc các công đoạn có phát ra tiếng động lớn; không đổ bê tông sau 21 giờ đến 6 giờ sáng hôm sau;

- Kiểm tra thường xuyên và siết lại các ốc, vít bị lỏng, bảo dưỡng định kỳ các thiết bị, phương tiện thi công, nhằm hạn chế phát sinh tiếng ồn;

- Không sử dụng các phương tiện chở quá trọng tải, quy định tốc độ hợp lý cho các loại xe nhằm hạn chế tiếng ồn, độ rung ảnh hưởng đến khu vực dân cư lân cận;

- Các phương tiện máy móc khi chưa thi công thì phải tắt máy;

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân, đặc biệt là những công nhân tiếp xúc trực tiếp với các máy móc, phương tiện phát sinh độ ồn lớn như: máy trộn bê tông, xe ủi.

* Đối với tác động do độ rung:

- Chống rung tại nguồn: kê cân bằng máy, lắp các bộ tắt chấn động lực, sử dụng vật liệu phi kim loại, thay thế chế độ tải làm việc,...;

- Chống rung lan truyền: dùng các kết cấu đàn hồi giảm rung (đệm đàn hồi, gối đàn hồi cao su,...) sử dụng các dụng cụ cá nhân chống rung;

- Bố trí cự ly của các thiết bị có cùng độ rung để tránh cộng hưởng.

b. Giai đoạn hoạt động

- Lắp đặt các máy may chất lượng tốt và định kỳ bảo dưỡng các máy này;

- Nghiêm cấm tụ họp nhiều công nhân gây tranh cãi ồn ào ảnh hưởng đến an ninh của khu vực;

- Lắp đặt đệm cao su chống rung chống ồn cho máy phát điện;

- Trồng cây xanh để hạn chế lan truyền tiếng ồn, đảm bảo diện tích cây xanh theo quy hoạch đã được phê duyệt.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

a. Giai đoạn thi công xây dựng

- Xây dựng kè chắn đất bằng đá hộc bao quanh khu đất trước khi đổ đất để san nền không ảnh hưởng đến khu vực đất sản xuất nông nghiệp xung quanh dự án;

- Phòng ngừa sự cố thiên tai: phối hợp chặt chẽ với địa phương trong việc chủ động phóng chống thiên tai, không để xảy ra các sự cố gây thiệt hại về người và tài sản trên các công trường;

- Phương án phòng chống cháy nổ: tuân thủ các biện pháp phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của các cơ quan chức năng;

- Đối với tai nạn lao động: tuân thủ các quy định về an toàn lao động trong tổ chức thi công;

- Giảm thiểu tai nạn giao thông: bố trí người điều tiết giao thông khi xe chở nguyên vật liệu ra vào công trường dự án. Đặt biển báo hiệu công trường đang thi công chỉ dẫn với tốc độ lưu thông tối đa đoạn đi qua khu vực dự án là 5km/h;

- Các biện pháp giảm thiểu sự cố ngập úng:

+ Định kỳ hàng năm nạo vét các tuyến mương để khơi thông dòng chảy;

+ Định kỳ hàng năm duy tu, sửa chữa hệ thống nắp chắn rác, hồ ga, mương thoát thoát nước.

b. Giai đoạn hoạt động

- Phòng chống sự cố xử lý nước thải:

+ Thường xuyên tiến hành bảo dưỡng, duy tu hệ thống thu gom và xử lý nước thải;

+ Thực hiện yêu cầu về kế hoạch, biện pháp, trang thiết bị phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường theo quy định pháp luật;

+ Lắp đặt các trang thiết bị, dụng cụ, phương tiện ứng phó sự cố xử lý nước thải;

+ Xây dựng kế hoạch tập huấn, huấn luyện, diễn tập về ứng phó sự cố;

+ Công khai kế hoạch ứng phó sự cố xử lý nước thải;

+ Trong trường hợp sự cố hệ thống, toàn bộ nước thải được thu gom và lưu giữ tại bể điều hòa 2. Sau đó, tiến hành khắc phục sự cố và bơm nước thải trở lại hệ thống để xử lý.

- Phòng chống sự cố lò hơi:

+ Thường xuyên bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải lò hơi;

+ Đào tạo nhân lực vận hành lò hơi có chuyên môn, thường xuyên giám sát quá trình vận hành lò;

+ Đảm bảo hệ thống máy móc, trang thiết bị sẵn sàng ứng phó sự cố;

+ Khi có sự cố, tạm dừng hoạt động của lò hơi và thông báo với cơ quan chức năng để xử lý.

- Phòng chống sự cố hóa chất:

+ Lưu giữ hóa chất tại kho theo đúng quy định;

+ Thông báo, báo động khi xảy ra sự cố và báo cáo cơ quan chức năng để xử lý sự cố;

+ Xác định nguyên nhân và đưa ra biện pháp khắc phục.

4.4.2. Các công trình, biện pháp khác

Các biện pháp giảm thiểu của chiếm dụng đất: phối hợp với UBND xã Nam Giang thực hiện đền bù, giải phóng mặt bằng cho các hộ dân.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

5.1. Quan trắc, giám sát môi trường giai đoạn thi công xây dựng

Giám sát chất thải rắn:

- Vị trí giám sát: tại khu vực tập kết chất thải rắn.

- Nội dung giám sát: giám sát khối lượng phát sinh; phân định, phân loại các loại chất thải rắn phát sinh để quản lý theo quy định.

- Tần suất giám sát: thường xuyên hàng ngày.

5.2. Quan trắc, giám sát môi trường giai đoạn vận hành thử nghiệm

a. Nước thải

- Tần suất lấy mẫu: đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định 03 ngày liên tiếp. Tần suất quan trắc là 01 ngày/lần (đo đạc, lấy mẫu và phân tích

mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào và ít nhất 03 mẫu đầu ra trong 03 ngày liên tiếp của công trình xử lý nước thải);

- Thông số quan trắc: nhiệt độ, Màu, pH, BOD₅, COD, chất rắn lơ lửng, Crom (VI), Crom (III), Đồng, Sắt, Tổng Phenol, Tổng dầu mỡ khoáng, Amoni (tính theo N), Tổng nitơ, Tổng phốt pho (tính theo P), Clo dư, Coliform;

- Vị trí: nước thải đầu vào tại bể điều hòa 2 và nước thải đầu ra tại bể chứa nước sau xử lý;

- Quy chuẩn so sánh: cột A ($K_q = 0,9$; $K_f = 1,1$), QCVN 40:2011/BTNMT

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

b. Khí thải

- Tần suất quan trắc nước thải ít nhất là 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải;

- Thông số quan trắc: Bụi tổng; Cacbon oxit, CO; Lưu huỳnh đioxit, SO₂; Nitơ oxit, NO_x (tính theo NO₂);

- Vị trí: khí thải tại ống khói lò hơi;

- Quy chuẩn so sánh: cột B ($K_v=1,2$, $K_p=1$), QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

5.3. Quan trắc, giám sát môi trường giai đoạn vận hành ổn định

Giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

- Thực hiện phân định, phân loại chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn thông thường và chất thải rắn nguy hại cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu sau:

6.1. Triển khai dự án sau khi cơ quan có thẩm quyền cho phép chuyển đổi mục đích đất lúa và các thủ tục khác có liên quan theo quy định.

6.2. Thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, đất đai, tài nguyên nước và bảo vệ môi trường trong mọi hoạt động triển khai xây dựng và hoạt động dự án.

6.3. Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện khoanh định ranh giới dự án, xác định các địa bàn làm công trường thi công và đổ thải các loại bùn thải, phế liệu xây dựng phát sinh trong quá trình thực hiện dự án.

6.4. Lập và thực hiện phương án chi tiết về các biện pháp phòng ngừa, ứng cứu sự cố; tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành về phòng cháy chữa

cháy, an toàn lao động, ứng cứu sự cố, an toàn giao thông đường bộ, quản lý đất đai và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

6.5. Lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường trước khi vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải.

6.6. Thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường, các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường khác như đã đề xuất; cập nhật, lưu giữ số liệu quan trắc, giám sát để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra khi cần thiết.

6.7. Điều chỉnh, bổ sung nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường cho phù hợp với nội dung, yêu cầu bảo vệ môi trường được nêu trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường. Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định và cung cấp thông tin về môi trường theo quy định.

6.8. Cam kết thực hiện các nội dung đã thỏa thuận, thống nhất với cộng đồng dân cư và Ủy ban nhân dân xã Nam Giang, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An./.